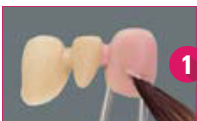
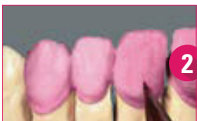


VITAVM®9 – Khái niệm đắp sứ



Prepared substructure



Kết quả nướng dentine lần 1



Kết quả dentine lần 2 sau chỉnh hình



1 Nướng BASE DENTINE washbake

2 Lớp BASE DENTINE

2 Lớp ENAMEL

Điều chỉnh hình thể tùy chọn

2a

Kết quả nướng dentine lần 1

Lớp sứ đắp dentine lần 2

2b

Kết quả dentine lần 2 sau chỉnh hình

3 Hoàn tất, cá nhân hóa, làm bóng



HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Câu hỏi về giải pháp cho sản phẩm VITA? **Chuyên gia kỹ thuật và cố vấn kỹ thuật nha khoa Ralf Mehl (DT) và Daniel Schneider (DT)** có thể giải đáp thắc mắc của bạn tại đây

► Phone +49(0)7761/56 22 22
E-mail: info@vita-zahnfabrik.com
8 a.m. to 5 p.m. CET



HỖ TRỢ TRỰC TUYẾN

Thắc mắc về quy trình và giải pháp cho sản phẩm? Bạn có thể tìm được giải đáp trực tuyến bằng các đoạn **Video, Hỏi/đáp nhanh và Hướng dẫn điện tử.**

Để biết thêm chi tiết bạn có thể tham khảo trong cuốn **Hướng dẫn đắp sứ VITA VM 9**

► www.vita-zahnfabrik.com
► www.facebook.com/vita.zahnfabrik



Tiếp thị & Phân phối chính thức:

N.K.LUCK VIỆT NAM
CUNG CẤP THIẾT BỊ - VẬT LIỆU - DƯỢC PHẨM NGÀNH NHA KHOA

781/A13 Lê Hồng Phong (nối dài), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 3862 0090 - 5431 9770 | Fax: (08) 3862 0080

Hotline **0919 118 798** **rangsuvita**

VITA VM®9

Hướng dẫn nhanh



Dùng đắp sứ cho sườn zirconia và cá nhân hóa cho thoi sứ VITABLOCS và sứ ép VITA PM 9. Có sẵn đầy đủ theo hệ màu VITA 3D-MASTER và VITA classical A1–D4.

VITA shade, VITA made.

VITA

> VITA VM®9 – CÔNG DỤNG & TÍNH NĂNG

VITA VM 9 là:

- 1 loại bột sứ từ đá feldspar tự nhiên, thẩm mỹ cao dành cho sườn zirconia, VITABLOCS Mark II và sứ ép PM 9

Với VITA VM 9, bạn sẽ được hưởng những lợi ích từ:

- Hiệu ứng màu tự nhiên, màu sắc năng động và tính chất vật lý tối ưu
- Dễ dàng tạo hình thể, nhanh và chuẩn xác
- Kết dính vượt trội
- Độ co rút tối thiểu cho quá trình nướng chuẩn xác
- Quy trình đáng tin dựa trên nhiều năm kinh nghiệm.

> HỆ THỐNG BAO GỒM



VITA YZ T COLORING LIQUID
VITA YZ HT SHADE LIQUID

VITA AKZENT Plus

VITA INTERNO

VITA shade, VITA made.

VITA

1 VITAVM®9 – Các bước chuẩn bị

BASE DENTINE WASHBAKE



- ✓ **BASE DENTINE:**
- Để tối ưu kết dính, cần thực hiện lớp washbake với BASE DENTINE
 - Cũng có thể thực hiện với vật liệu CHROMA PLUS cho phục hình với lớp mỏng
 - Trộn với VITA MODELLING FLUID RS để có được hỗn hợp dung dịch mỏng loãng
 - Dùng cọ quét thật mỏng và phải bảo đảm lớp phủ đồng nhất

! **Ghi chú:** Sườn cần được làm sạch và khô ráo!

Chương trình nướng – washbake

Predry. °C	→ min.	↗ min.	↗ °C/min.	Temp. approx. °C	→ min.	VAC min.
500	2.00	8.11	55	950	1.00	8.11

2 VITAVM®9 – Đắp cơ bản

Lớp BASE DENTINE



- ✓ **Đắp lớp:**
- Trộn BASE DENTINE với VITA MODELLING FLUID RS
 - Đắp màu BASE DENTINE theo yêu cầu bắt đầu từ phần cổ răng và hoàn thiện hình dạng răng.
 - Kiểm tra khớp cắn trung tâm, cạnh bên và độ lồi trên hàm giá khớp

! **Ghi chú:** Để có khoảng không thích hợp cho lớp men, cần giảm bớt lớp BASE DENTINE tương đương.

Lớp ENAMEL



- ✓ **Đắp lớp:**
- Đắp 1 vài điểm nhỏ ENAMEL để hoàn chỉnh khuôn răng bắt đầu từ 1 phần 3 máo răng.
 - Để bù lại phần co rút khi nướng, máo cần được tạo hình thể lớn hơn.
 - Trước khi nướng dentine lần 1, từng đơn vị trên cầu răng cần được cắt kẻ sao cho sát tận khùng sườn

! **Ghi chú:** Chỉ sử dụng khay nướng dành cho sứ để nướng!

Chương trình nướng – dentine lần 1

Predry. °C	→ min.	↗ min.	↗ °C/min.	Temp. approx. °C	→ min.	VAC min.
500	6.00	7.27	55	910	1.00	7.27

3 VITAVM®9 – Hoàn tất

Nướng bóng với VITA AKZENT Plus



- ✓ **Hoàn tất:**
- Hoàn tất cầu hoặc máo riêng lẻ
 - Để tạo bóng, bề mặt cần được đồng nhất.
 - Mài làm sạch bề mặt cẩn thận
 - Phủ tổng thể phục hình với VITA AKZENT Plus GLAZE
 - Nếu cần, có thể sử dụng VITA AKZENT Plus stains

! **Ghi chú:** Khi xử lý không gian kẽ với đĩa cắt kim cương, hãy chắc rằng không gây hư hại ảnh hưởng đến cấu trúc sườn. Trong trường hợp bị bụi, nên có hệ thống hút bụi hoặc đeo mặt nạ. Ngoài ra, kính bảo hộ phải được đeo khi mài sứ.

Chương trình nướng – nướng bóng với VITA AKZENT Plus

Predry. °C	→ min.	↗ min.	↗ °C/min.	Temp. approx. °C	→ min.	VAC min.
500	4.00	5.00	80	900	1.00	-